

MÔ HÌNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ (OER) CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Đào Thiện Quốc¹

I. GIỚI THIỆU

Xây dựng và triển khai mô hình học liệu mở thông qua việc sử dụng và tạo lập nguồn Tài nguyên giáo dục mở (OER), đem lại cho các trường đại học những lợi ích lớn lao và bền vững. Điều này, đúng với tinh thần nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Song, hiện tại ở Việt Nam chưa có trường đại học nào xây dựng mô hình quản trị nhằm thúc đẩy phát triển nguồn tài nguyên giáo dục mở trong tổ chức của mình. Trong bài viết của TS. Đậu Mạnh Hoàn về “Một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển học liệu mở thông qua Tài nguyên giáo dục mở” có nêu về những giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng OER, một trong những giải pháp đó là xây dựng mô hình quản lý tạo lập và khai thác OER trong các trường đại học. Tác giả nêu rõ “Cần sớm xây dựng mô hình tổ chức và khai thác OER trên hệ thống các trường đại học một cách thống nhất, triển khai đại trà và nhân rộng mô hình khắp cả nước.” [8]

Vòng đời và quản lý vòng đời đối với một đối tượng quản lý trong một tổ chức, luôn đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý của tổ chức đó. Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, điều này thường gọi là quản lý vòng đời sản phẩm (Product Lifecycle Management - PLM), PLM có thể được xem là sự tích hợp của công nghệ với phương thức,

¹ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

quy trình và con người qua tất cả các giai đoạn của đời sản phẩm[23]. OER là một sản phẩm trong giáo dục, OER có vòng đời riêng, việc quản lý OER trong trường đại học cũng như quản lý sản phẩm (PLM) trong kinh doanh.

Hiểu biết năng lực, nhằm quản lý phát triển các kỹ năng cho năng lực là sự cần thiết. Các nghiên cứu cho thấy năng lực được xác định bởi khả năng sử dụng kiến thức, kỹ năng trong các tình huống công việc hoặc học tập, phát triển chuyên môn và bản thân [19]. Năng lực không chỉ là kỹ năng, kiến thức liên quan, mà còn là tính chủ động và trách nhiệm cá nhân của người thực hiện.

Vòng đời và năng lực OER được thiết kế bởi một tập hợp các kiến thức, năng lực chuyên môn, liên quan tới hai khía cạnh: giáo dục và công nghệ trong các giai đoạn về năng lực hiểu biết, tìm kiếm, tái sử dụng, thiết kế và phổ biến OER.

Tài nguyên giáo dục mở (OER) là công nghệ giáo dục, hay nội dung giảng dạy dựa trên công nghệ [7], do tính chất phát triển cập nhật thường xuyên của kiến thức cùng các phương tiện truyền thông, nên công nghệ giáo dục cũng được cập nhật thường xuyên và liên tục. Để phát triển năng lực OER trong cả quản lý và ứng dụng, cần đáp ứng hai lĩnh vực cơ bản liên quan tới năng lực công nghệ thông tin[19], đó là:

- Xây dựng môi trường kỹ thuật số phát triển;
- Sản xuất, xử lý, sử dụng và phổ biến các tài liệu kỹ thuật số.

Điều này có nghĩa, vấn đề quan tâm đầu tiên trong các cơ sở giáo dục sử dụng OER là cần xây dựng hạ tầng công nghệ với một hệ thống thông tin quản lý, làm nền tảng cho sự phát triển của OER, vấn đề thứ hai là phát triển các kỹ năng về OER.

II. TỔNG QUAN

Trên thế giới có nhiều tổ chức giáo dục triển khai sử dụng OER và đem lại những lợi ích to lớn cho cộng đồng. Trên phương diện phát triển OER một cách bền vững, các mô hình được phát triển từ ba phương diện chính, như: tài trợ, kỹ thuật và nội dung, bao trùm lên các hoạt động của OER, như: Tình nguyện viên và khuyến khích; cộng đồng và

quan hệ đối tác; đồng sản xuất và chia sẻ; quản lý và kiểm soát phát tán. Có thể kể đến các mô hình dựa trên các phương diện, như:

1. Phương diện Tài trợ

Có thể kể đến các mô hình, như[5]:

- *Mô hình quyền góp - Endowment Model*: Với mô hình này dự án có được nhà sự quyền góp của các nhà tài trợ. (Ví dụ: tại Bách khoa toàn thư Stan-ford)

- *Mô hình thành viên - Membership Model*: Trên mô hình này, một liên minh gồm các tổ chức quan tâm được mời đóng góp một khoản tiền nhất định. (Ví dụ: Chương trình Đối tác Giáo dục Sakai)

- *Mô hình quyền góp - Donations Model*: Trên mô hình này được hỗ trợ bởi các yêu cầu cộng đồng rộng hơn và nhận quyền góp (Ví dụ Wikipedia).

- *Mô hình chuyển đổi*: Trong mô hình chuyển đổi, bạn tặng một thứ gì đó miễn phí và sau đó chuyển đổi người tiêu dùng miễn phí thành khách hàng trả tiền. (Ví dụ: Các nhà phân phối Linux, như SuSe, RedHat và Ubuntu...)

- *Mô hình trả tiền cho người đóng góp - Contributor-Pay Model*: Mô hình này sử dụng hình thức thanh toán một lần cho tác giả, rồi cung cấp miễn phí. (Ví dụ: Thư viện khoa học công cộng - PLoS).

- *Mô hình tài trợ - Sponsorship Model*: Với mô hình này, các công ty khác nhau hỗ trợ các dự án OER trên cơ sở tài trợ, thường là hợp tác với các tổ chức giáo dục. (Ví dụ Sáng kiến tiếp cận cộng đồng iCampus của MIT).

- *Mô hình tổ chức - Institutional Model*: Một tổ chức tự chịu trách nhiệm về sáng kiến OER (Ví dụ: MIT's OpenCourseWare).

- *Mô hình chính phủ - Governmental Model*: Mô hình chính phủ đại diện cho các dự án OER tài trợ trực tiếp của các cơ quan chính phủ, (mô hình thể chế) bao gồm cả Liên Hợp Quốc. (Ví dụ: dự án Canada School SchoolNet).

- *Quan hệ đối tác và trao đổi - Partnerships and Exchanges*: Mặc dù không được coi là mô hình tài trợ, tuy nhiên quan hệ đối tác và trao đổi đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển mạng OER.

2. Phương diện Kỹ thuật

Trên phương diện kỹ thuật, có nhiều thảo luận về các mô hình, song tập trung lại, có hai mô hình chính [21]:

- *Sử dụng miễn phí:*

- Tổ chức giáo dục được sử dụng và không cần sửa đổi;

- Việc sử dụng theo nghĩa ghép kết hợp các tài nguyên, (ví dụ, giống như các nguyên tử được ghép lại với nhau để tạo thành các phân tử, hoặc các khối lego được ghép lại với nhau [24].

- *Tài nguyên tải về:*

- Được điều chỉnh và gửi trở lại kho lưu trữ của hệ thống,

- Cho phép người khác kiểm tra và sử dụng.

Việc truy cập OER, thường được duy trì thông qua các hệ thống phần mềm, được gọi là kho lưu trữ với cấu hình khác nhau, tài nguyên có thể được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu phân tán, hay tập trung, toàn văn hay đánh chỉ mục. Các kho lưu trữ OER điển hình, như MERLOT, NSDL, CAREO, v.v. [21].

3. Phương diện Nội dung

Vấn đề lớn nhất đối với nội dung là giấy phép liên quan đến tài nguyên. Các mô hình cấp phép khác nhau tùy theo nhiều yếu tố, để đặt ra yêu cầu:

- Tác giả có thể yêu cầu xóa tài liệu khỏi trang web của người dùng không?

- Tài liệu có thể được cập nhật hoặc sửa đổi chỉ khi có sự chấp thuận của tác giả?

- Nội dung có thể được sử dụng độc quyền bởi các tổ chức giáo dục phi lợi nhuận hoặc có thể vì lợi nhuận của tổ chức có quyền truy cập? [21].

Ngoài các phương diện chính trên, một vấn đề quan trọng khác cũng được đề cập đến khi xây dựng các mô hình đó là vấn đề nhân sự.

Vấn đề nhân sự:

Ở mô hình truyền thống, để hoàn thành công việc, thông thường liên quan đến việc lựa chọn và tuyển dụng nhân viên (nhân viên chuyên nghiệp).

Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất OER, mô hình khác nhau đã xuất hiện, như mô hình tình nguyện viên. Động lực làm việc của tình nguyện viên là sự vị tha, dựa trên mong muốn công việc của họ được sử dụng và chia sẻ. Trong nghiên cứu của mình, Larsen đã nêu: “Động lực chính hoặc khuyến khích mọi người cung cấp tài liệu OER là tài liệu của họ được người khác chấp nhận, thậm chí sửa đổi và cải thiện”[13]. Có hai mô hình tổ chức chính được phát triển trên hình thức tình nguyện viên: Mô hình mới nổi và mô hình cộng đồng [6]:

Mô hình cộng đồng.

Mô hình hoạt động theo nguyên tắc:

- Dựa trên kết quả tự nhiên của sự tương tác, từ đó nâng cao danh tiếng.
- Người đóng góp tích cực được vinh danh

Mô hình mới nổi

- Cần cơ chế làm nổi danh tiếng, như Ebay, Slashdot
- Người đóng góp ít, chưa nổi.

Các hệ thống này được kết hợp và hình thành một mô hình hệ sinh thái cho việc tạo ra, sử dụng và cải thiện nội dung OER[18], trên các phương diện tài trợ, kỹ thuật, nội dung và thậm chí là cả nhân sự. Tại thời điểm hiện nay, có hai cách tiếp cận làm thỏa mãn các vấn đề trên [5]:

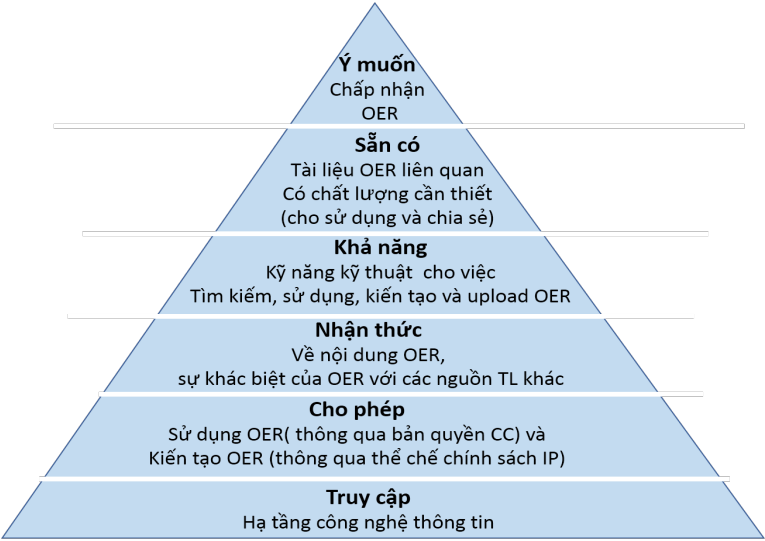
- Thứ nhất: OER được quản lý qua sử dụng mô hình “Nhà sản xuất - Người tiêu dùng”. Trong mô hình này, việc quản lý tạo lập và phân phối sử dụng OER được tiến hành tập trung, chất lượng được kiểm soát tốt, nhưng đòi hỏi chi phí lớn

- Thứ hai: OER được quản lý bằng cách sử dụng mô hình “Đồng sản xuất”, trong đó người tiêu dùng tài nguyên nắm quyền chủ động trong sản xuất của họ. Cách tiếp cận này phụ thuộc vào quản lý phân tán (phi tập trung), liên quan đến nhiều quan hệ đối tác và những người đóng góp tình nguyện. Ở mô hình này việc kiểm soát chất lượng sẽ kém hơn mô hình quản lý tập trung, nhưng chi phí ít hơn nhiều.

Từ những vấn đề đã nêu, cho thấy có nhiều mô hình tổ chức quản lý phát triển OER, dựa trên những khía cạnh chính về quỹ tài trợ, kỹ thuật, nội dung và tổ chức nhân sự. Trong các mô hình đã nêu, mô hình tổ chức (Institutional Model) là mô hình mà bài viết muốn đề cập.

Mô hình tháp áp dụng OER

Khi nghiên cứu về áp dụng sử dụng OER của các trường đại học ở Nam Phi, các nhà nghiên cứu đã đưa ra một mô hình tháp gồm 6 mức, từ việc đáp ứng hạ tầng truy cập cho đến mong muốn sử dụng OER, qua đó cho thấy các mức quản lý tương đương cần thiết cho việc quản lý phát triển OER trong một trường đại học. Các mức của hình tháp bao gồm (1) Quyền truy cập (Access), (2) Cho phép (Permission), (3) Nhận thức (Awareness), (4) Năng lực (Capacity), (5) Sẵn có (Availability), (6) Ý muốn chấp nhận OER (Volition).



Hình 1: Tháp chấp nhận OER.

(Nguồn: <https://roer4d.org/2290>)

Thực trạng tài nguyên giáo dục mở ở Việt Nam

Chương trình học liệu mở Việt Nam ra đời năm 2015 với sự hợp tác giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công ty phần mềm truyền thông VASC và quỹ Giáo dục Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là xây dựng các phương thức để xóa bỏ các rào cản đối với người dùng ở Việt Nam trong việc tận dụng tối đa các nguồn học liệu sẵn có, website chính thức của chương trình có địa chỉ: www.vocw.edu.vn, hiện nay trang có hơn 200 khóa học và hơn 1000 mô-đun, chủ yếu là do các trường

đại học đưa lên, phần còn lại được thông qua các hoạt động tài trợ và chuyển đổi các kho giáo trình từ Bộ Giáo dục và Đào tạo [9], chương trình OER@University Roadshow 2016 nhằm tổ chức giảng dạy OER cho cán bộ thư viện và giảng viên của các trường đại học trong cả nước. Bên cạnh đó, còn có những hội thảo quốc tế về OER trong các năm 2015, 2016, 2017, do Khoa Thông tin – Thư viện (FLIS), trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà nội, phối hợp với RDOT, NALA, VFOSSA và UNESCO tổ chức.

Trên thực tiễn các mô hình quản lý phát triển OER trên thế giới, và thực tế phát triển OER ở Việt Nam, cho thấy rất cần có sự nghiên cứu, đưa ra một mô hình quản lý OER, nhằm phát triển tạo lập và sử dụng OER cho các trường đại học. Bài viết được tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp từ lý thuyết và thực tế để đưa ra một mô hình quản lý OER cho trường đại học. Mục đích bài viết nhằm mang lại những thông tin tham khảo cần thiết cho các trường đại học khi xây dựng và phát triển OER ở trường mình.

III. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

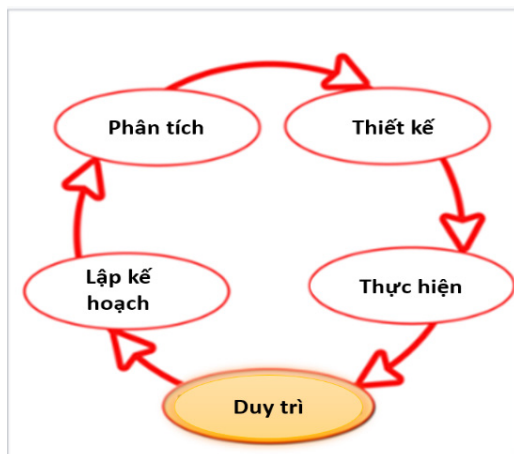
1. Năng lực thông tin

Năng lực thông tin hay sự hiểu biết về thông tin là tập hợp các khả năng đòi hỏi các cá nhân phải nhận biết khi cần thông tin và có khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả các thông tin cần thiết. Năng lực thông tin ngày càng quan trọng trong môi trường đương đại bởi sự thay đổi và phổ biến công nghệ thông tin nhanh chóng. Kiến thức thông tin tạo thành nền tảng cho việc học tập suốt đời cho tất cả các ngành, môi trường học tập và cho tất cả các cấp giáo dục. Năng lực thông tin cho phép người học nắm vững nội dung và mở rộng khám phá, tự định hướng và nắm quyền kiểm soát tốt hơn đối với việc học của chính họ. Một cá nhân có năng lực thông tin có thể: Xác định mức độ thông tin cần thiết, truy cập thông tin cần thiết một cách hiệu quả [2].

2. Vòng đời phát triển hệ thống thông tin

Vòng đời phát triển hệ thống (systems development life cycle - SDLC), hay còn được gọi là vòng đời phát triển ứng dụng (Application

development life-cycle), là một thuật ngữ được dùng trong công nghệ hệ thống, hệ thống thông tin và công nghệ phần mềm, nhằm mô tả quá trình lập kế hoạch, tạo ra, kiểm thử và triển khai một hệ thống thông tin [22].



Hình 2: Mô hình của vòng đời phát triển hệ thống

(nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Vòng_đời_phát_triển_hệ_thống)

Vòng đời phát triển hệ thống thông tin (Information System Development LifeCycle) là một trong những Vòng đời phát triển hệ thống (SDLC) trong lĩnh vực hệ thống thông tin. Tùy theo từng dự án cụ thể mà các giai đoạn có thể khác nhau dựa trên sự phát triển từ SDLC[11], Jirava [12] cho rằng thông thường vòng đời hệ thống thông tin gồm có 5 giai đoạn: (1) Điều tra yêu cầu người dùng, (2) Phân tích, (3) Thiết kế, (4) Thực hiện và (5) Phát hành.

3. Tài nguyên giáo dục mở (OER)

3.1. Khái niệm OER

Theo UNESCO, tài nguyên giáo dục mở (OER) bao gồm mọi tài nguyên giáo dục (bao gồm bản đồ chương trình giảng dạy, tài liệu khóa học, sách giáo khoa, video phát trực tuyến, ứng dụng đa phương tiện, podcast và bất kỳ tài liệu nào khác được thiết kế để sử dụng cho việc dạy và học) có sẵn cho giáo viên và sinh viên sử dụng, mà không cần phải trả tiền bản quyền hay phí giấy phép [3].

3.2. *Tiềm năng OER*

Tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) mang lại cho giáo dục sự phát triển bền vững, cho phép đạt được Mục tiêu thứ tư phát triển bền vững (Sustainable Development Goal - SDG 4) của Liên hợp quốc (UN – United Nations): Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện, công bằng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người [17].

3.3. *Lợi ích OER*

Lợi ích mà OER mang lại cho giáo dục nói riêng và phát triển kinh tế, xã hội nói chung là rất lớn, có thể kể đến những lợi ích cơ bản của OER như sau [3]:

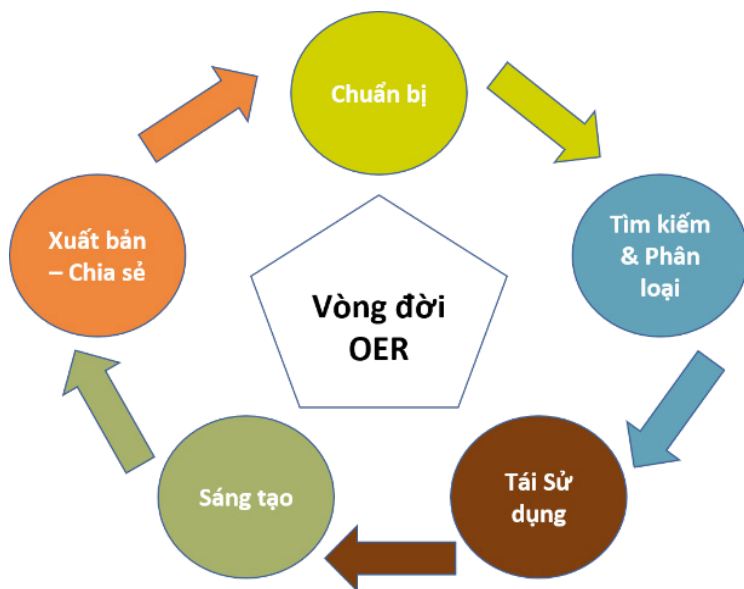
- Sử dụng OER là cách an toàn nhất cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.
- Gia tăng nhanh chóng uy tín xã hội đối với cá nhân, tổ chức sử dụng OER.
- Khai thác tối đa nguồn tri thức bởi chính sách cộng tác, chia sẻ cởi mở tri thức.
- Cho phép tối đa hóa khả năng chia sẻ nội dung theo cách thức minh bạch, đạo đức, bảo vệ quyền tác giả.
- Mang lại nhiều cơ hội trao đổi, cộng tác và chia sẻ với đồng nghiệp trên phạm vi toàn cầu.

Từ những lợi ích cơ bản, trực tiếp như trên, cho thấy hiệu ứng lợi ích đối với kinh tế, xã hội mà OER mang lại là không nhỏ, khó có thể đo đếm được.

IV. VÒNG ĐỜI VÀ NĂNG LỰC TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ (OER)

1. *Vòng đời OER*

Tổng hợp các nghiên cứu về OER, cho thấy vòng đời OER được xác định gồm các giai đoạn: chuẩn bị nhận thức OER, hướng dẫn tìm kiếm phân loại OER, kích thích sử dụng, sáng tạo OER và cuối cùng là xuất bản, chia sẻ OER [1].



Hình 3: Vòng đời OER

(Nguồn: <https://col-oer.weebly.com/module-6---the-oer-life-cycle.html>)

2. Năng lực OER

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, đang làm biến đổi mạnh mẽ những nhận thức truyền thống của cuộc sống, trong đó có nhận thức về OER, điều này đã thúc đẩy sự cần thiết xây dựng những chuẩn năng lực về OER, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và chất lượng của OER. Bảng khung năng lực tài nguyên giáo dục mở (OER), được UNESCO khuyến cáo sử dụng [10] bao gồm:

- *Phương diện xác định năng lực OER.*

Năng lực OER được xác định trên 5 phương diện [10]:

- D1: Năng lực làm quen với OER
- D2: Năng lực Tìm kiếm OER
- D3: Năng lực Sử dụng OER
- D4: Năng lực Sáng tạo OER
- D5: Năng lực chia sẻ OER

• *Bảng khung năng lực OER.*

Mỗi phương diện năng lực OER được xác định bởi các tiêu chí như bảng sau

Bảng 1: Bảng khung năng lực OER

Năng lực		Tiêu chí xác định năng lực	
D1	Năng lực làm quen với OER	D1.1	Phân biệt OER với tài nguyên khác
		D1.2	Liệt kê một số yếu tố nổi bật của OER
		D1.3	Xem xét vai trò cụ thể trong phong trào OER
D2	Năng lực tìm kiếm OER	D2.1	Sử dụng công cụ tìm kiếm để tìm OER
		D2.2	Chọn OER thích hợp
D3	Năng lực sử dụng OER	D3.1	Phân biệt giữa các loại giấy phép Creative Commons khác nhau
		D3.2	Tôn trọng các điều khoản của giấy phép Creative Commons
D4	Năng lực sáng tạo OER	D4.1	Thiết kế OER
		D4.2	Sửa đổi OER
		D4.3	Pha trộn OER
		D4.4	Đồng sáng tạo OER
D5	Năng lực chia sẻ OER	D5.1	Chọn giấy phép cho OER
		D5.2	Gán giấy phép cho OER
		D5.3	Xuất bản OER
		D5.4	Quảng bá OER

Để xác định năng lực OER cho từng tiêu chí còn cần cụ thể hóa những kỹ năng cho từng tiêu chí đó, bài viết không đi sâu vào phân tích kỹ năng cho từng tiêu chí.

V. MÔ HÌNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ (OER) TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1. Hệ thống thông tin quản lý

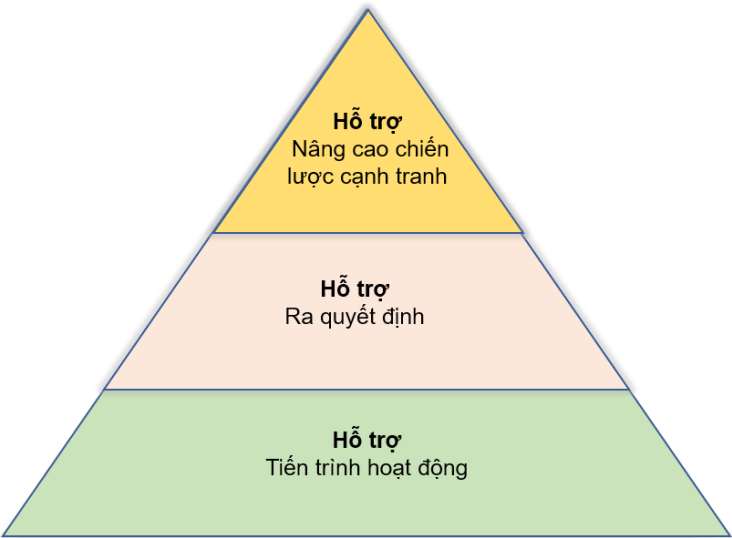
1.1. Khái niệm

Hệ thống thông tin quản lý (Management Information System - MIS) là một hệ thống tích hợp các yếu tố con người, thủ tục, cơ sở dữ liệu và thiết bị, cung cấp thông tin hỗ trợ lập kế hoạch, tổ chức, kiểm soát chức

năng, ra quyết định cho các nhà quản lý [20]. Hoạt động của hệ thống thông tin quản lý (MIS) trong các tổ chức nói chung, bao gồm thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và chuyển đổi dữ liệu thô thành thông tin có giá trị, lưu trữ và truy xuất dữ liệu với đầu ra như báo cáo quản lý [14].

1.2. Vai trò chính của hệ thống thông tin

Có ba lý do cơ bản cho tất cả các ứng dụng công nghệ thông tin, là ba vai trò chính mà hệ thống thông tin có thể thực hiện cho một tổ chức [15].

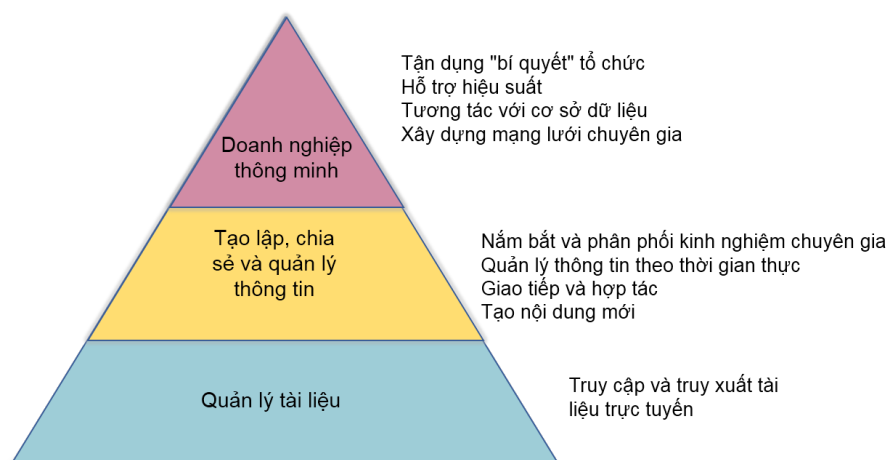


Hình 4: Vai trò của hệ thống thông tin trong tổ chức

(Nguồn: O’Brien, James A (1996), *Management information systems: Managing information technology in the networked enterprise*, McGraw-Hill Professional, Page.8)

1.3. Quản lý tri thức trong một tổ chức

Quản lý tri thức được xem như hoạt động của ba mức kỹ thuật, công nghệ và hệ thống cho việc thúc đẩy thu thập, tổ chức, truy cập, chia sẻ và sử dụng tri thức tại công sở (hình 7) [16].



Hình 5: Mô hình quản lý tri thức trong một tổ chức

(Nguồn: O'Brien, James A and Marakas, George M (2006), *Management information systems, Vol. 6, McGraw-Hill Irwin, Page.58*)

Dưới sự trợ giúp của công nghệ thông tin, việc quản lý tri thức trong tổ chức giúp tổ chức có thể tạo ra các yếu tố phát triển mạnh mẽ, nâng cao khả năng cạnh tranh bền vững.

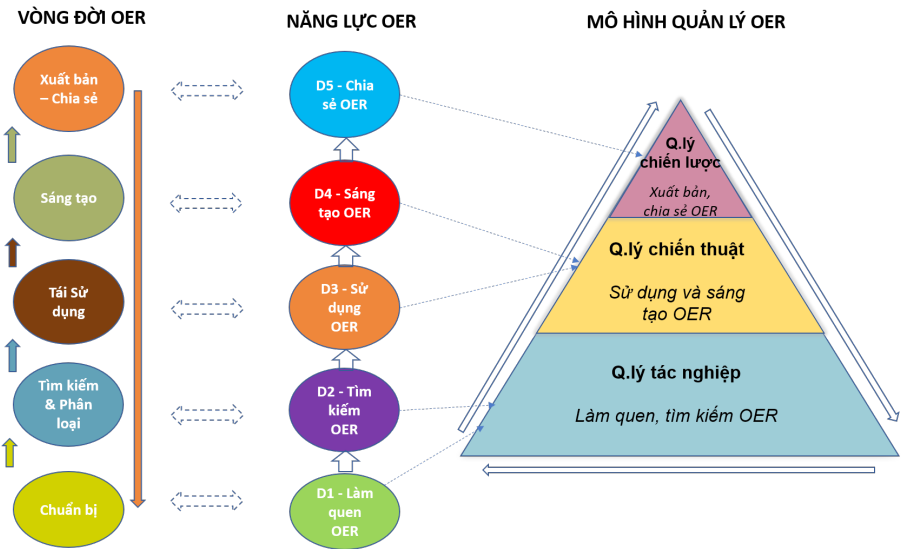
2. Mô hình quản lý OER trong trường đại học

Tài nguyên giáo dục mở (OER), nguồn tri thức phong phú với tiềm năng lớn cho sự phát triển sáng tạo, chất lượng và bền vững cho trường đại học, để OER có thể phát triển tốt, cần có một mô hình quản lý tốt.

Qua phân tích vòng đời OER và năng lực OER, dưới góc nhìn của hệ thống thông tin quản lý tri thức, cho thấy mô hình quản lý nguồn Tài nguyên giáo dục mở trong trường đại học có thể được xây dựng theo mô hình quản lý tri thức trong một tổ chức.

2.1. Cấp quản lý OER trong một tổ chức

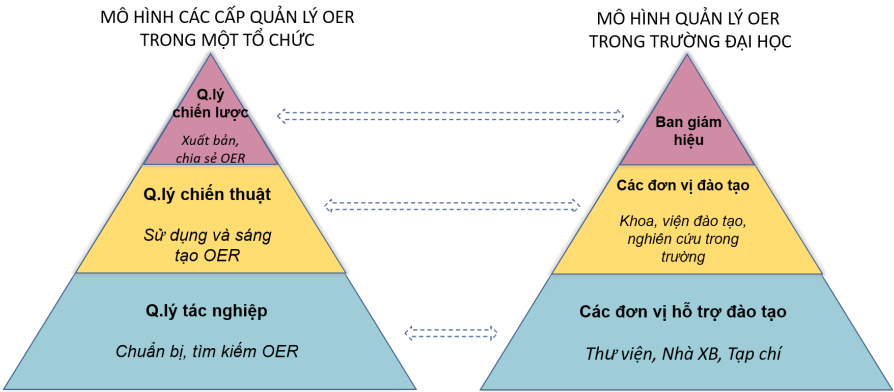
Từ những nghiên cứu trên, cho thấy sự tương thích giữa vòng đời, năng lực và mô hình quản lý OER theo mô hình quản lý tri thức trong một tổ chức như sau (hình 5):



Hình 6: Sự tương thích giữa vòng đời, năng lực và mô hình quản lý OER

2.2. Mô hình quản lý OER trong trường đại học

Qua nghiên tổ chức quản lý hành chính của trường đại học, cùng với mô hình các cấp quản lý OER, được chuyển hóa từ mô hình quản lý tri thức trong một tổ chức, cho thấy sự tương thích giữa các cấp quản lý OER với các cấp quản lý trong trường đại học như sau (hình 7):



Hình 7: Mô hình quản lý OER trong trường đại học

VI. BÌNH LUẬN

Đánh giá đúng vòng đời đối tượng (sản phẩm) quản lý, cùng với xác định năng lực đáp ứng cho đối tượng đó luôn là tiêu chí quan trọng trong quản lý của tổ chức (doanh nghiệp). Bài viết đã nêu những khái niệm cơ bản về OER cũng như lợi ích của OER đối với giáo dục, từ đó cho thấy sự cần thiết nghiên cứu quản lý phát triển OER trong các trường đại học.

Để xây dựng mô hình quản lý OER trong trường đại học, cần phải dựa trên nền tảng hệ thống thông tin quản lý với mô hình quản lý tri thức trong một tổ chức, trên cơ sở xác định vòng đời OER và năng lực OER, ngoài ra còn là sự kết hợp với những kiến thức về hệ thống quản lý hành chính của trường đại học hiện nay.

Qua lý thuyết nền tảng của hệ thống thông tin quản lý về quản lý tri thức trong một tổ chức, vòng đời phát triển hệ thống thông tin (SDLC), vòng đời OER, năng lực OER, bài viết đã sâu chuỗi sự tương thích một cách logic các vấn đề trên, để đưa ra mô hình quản lý OER trong trường đại học một cách hợp lý.

Những tiêu chí của khung năng lực OER đã nêu trong bài, được tổ chức quốc tế La Francophonie (IOF) cung cấp và được tổ chức UNESCO thông dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Anh [19] và khuyến cáo các tổ chức sử dụng. Bên cạnh đó, để đưa ra được vòng đời OER bao gồm các giai đoạn như trên, tổ chức cộng đồng học (Commonwealth of Learning - COL) đã có tổng hợp từ nhiều nghiên cứu. Tất cả những điều đó cho thấy, cả vòng đời OER và khung năng lực OER được sử dụng trong bài, đều đạt mức độ độ chuẩn quốc tế.

KẾT LUẬN

Văn minh nhân loại đang hướng tới sự tự do, công bằng trong nhân quyền, đặc biệt là quyền lợi về tự do học tập và cống hiến. Sự ra đời của tài nguyên giáo dục mở (OER) chính là hướng đi vì mục đích đó của nhân loại. Phát triển OER chính là sự phát triển bền vững cho giáo dục nói riêng và cả nền kinh tế, xã hội nói chung.

Giáo dục luôn là quốc sách của các quốc gia, đặc biệt Việt Nam luôn coi giáo dục là quốc sách số một. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có

hiều chính sách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục một cách toàn diện và bền vững, đảm bảo cho mọi người dân có cơ hội học tập suốt đời [4]. Với tinh thần đó, phát triển Tài nguyên giáo dục mở là hướng đi phù hợp với đường lối phát triển của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Để đảm bảo cho sự phát triển OER có chất lượng và bền vững cho một trường đại học, nhất thiết cần phải xây dựng một mô hình quản lý OER cho trường.

Giáo dục Việt Nam đang có sự cải tổ phát triển, nhất là đổi mới giáo dục đại học. Do vậy việc xây dựng, phát triển OER trong trường đại học, nhằm hướng tới một sự thay đổi về chất lượng giáo dục cũng như sự phát triển bền vững, rất cần tới sự triển khai một cách bài bản về một mô hình quản lý OER trong trường đại học./.

THAM KHẢO TÀI LIỆU

1. (OER), COL Open Educational Resources *Module 6 - The OER Life Cycle*, accessed, from <https://col-oer.weebly.com/module-6---the-oer-life-cycle.html>.
2. Association, American Library (2000), “Information literacy competency standards for higher education”.
3. Butcher, Neil (2015), *A basic guide to open educational resources (OER)*, Commonwealth of Learning (COL);.
4. CSVN, BCH.TW Đảng (2013), *Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, accessed, from <http://www.moet.gov.vn/tintuc/Pages/doi-moi-can-ban-toan-dien-gd-va-dt.aspx?ItemID=3928>.
5. Downes, Stephen (2007), “Models for sustainable open educational resources”, *Interdisciplinary Journal of E-Learning and Learning Objects*. 3(1), pp. 29-44.
6. Foote, Terry (2005), Wikipedia. Utah: Open Education Conference, Editor^Editors.
7. Hawai’i, University of (nd), *Open Educational Resources at the University of Hawai’i/Zero-Cost Materials*, University of Hawai’i, accessed, from <https://oer.hawaii.edu/>.

8. Hiệp hội các trường ĐH, Cao đẳng Việt nam/Đậu Mạnh Hoàn (2018), *Hệ thống giáo dục mở trong bối cảnh tự chủ giáo dục và hội nhập quốc tế/ Một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển học liệu mở thông qua tài nguyên giáo dục mở*, Nhà xuất bản thông tin và truyền thông.
9. Hiệp hội các trường ĐH, Cao đẳng Việt nam/Nguyễn Thị Hòa (2018), *Hệ thống giáo dục mở trong bối cảnh tự chủ giáo dục và hội nhập quốc tế/ Ứng dụng Tài nguyên giáo dục mở - Nghiên cứu tạ một số quốc gia phát triển trên thế giới*, Nhà xuất bản thông tin và truyền thông.
10. International Organisation of La Francophonie (IOF), UNESCO (translate) (2016), “OER TRAINER’S GUIDE”.
11. Isaias, Pedro and Issa, Tomayess (2015), “Information system development life cycle models”, *High Level Models and Methodologies for Information Systems*, Springer, pp. 21-40.
12. Jirava, Pavel (2004), “System development life cycle”, *Scientific papers of the University of Pardubice. Series D Faculty of Economics and Administration. 9 (2004)*.
13. Larsen, Kurt and Vincent-Lancrin, Stéphan (2005), The impact of ICT on tertiary education: advances and promises, Editor^Editors.
14. Navaz, Vahid Mehman (2013), “Concepts and Applications of Management Information Systems”, *Oman Chapter of Arabian Journal of Business and Management Review. 34(975)*, pp. 1-10.
15. O’Brien, James A (1996), *Management information systems: Managing information technology in the networked enterprise*, McGraw-Hill Professional.
16. O’Brien, James A and Marakas, George M (2006), *Management information systems*, Vol. 6, McGraw-Hill Irwin.
17. SDG, UN (2015), Sustainable Development Goals, Editor^Editors, Sustainable Development Knowledge Platform, United Nations Department of
18. Stephenson, Robert How to Make Open Education Succeed. Utah: 2005 Open Education Conference, Editor^Editors.
19. TRAINER, S, “OER TRAINER’S GUIDE”.
20. Trần Thị Song, Minh (2012), “Giáo trình hệ thống thông tin quản lý”, Đại học kinh tế Quốc dân.

21. UNESCO (2002a), *Forum on the impact of open courseware for higher education in developing countries. Final Report.*, Paris, accessed, from <http://www.wcet.info/resources/publications/unescofinalreport.pdf>.
22. Wikipedia *Vòng đời phát triển hệ thống*, accessed, from https://vi.wikipedia.org/wiki/Vòng_đời_phát_triển_hệ_thống.
23. Wikipedia (2013), *Product lifecycle*, accessed, from https://en.wikipedia.org/wiki/Product_lifecycle#cite_note-11.
24. Wiley, David A (2000), “Connecting learning objects to instructional design theory: A definition, a metaphor, and a taxonomy”, *The instructional use of learning objects*. 2830(435), pp. 1-35.